

Số: 383/QĐ-CTHADS

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai giao
dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giao dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, phụ trách kế toán ngân sách nhà nước và các Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thành phố tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục THADS;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KT.

CỤC TRƯỞNG

Trần Hữu Thọ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ AN DÂN SỰ
CỤC TIẾP NHẬN AN DÂN SỰ TỈNH LÂM ĐỒNG

DỰ TOÁN TIÊU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHẦN BỎ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021
Kèm theo Quyết định số 383/QĐ-STHADS ngày 30/12/2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng
 (Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp Huyện vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó															
				VP Cục	THA Đà Lạt	THA Lạc Dương	THA Đơn Dương	THA Đức Trọng	THA Lâm Hà	THA Đơn Rông	THA Di Linh	THA Bảo Lâm	THA Đạ Huoai	THA Đạ Tẻh	THA Cát Tiên	THA Bảo Lộc			
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	9.490.258	9.490.258	432.906	1.014.476	386.156	1.176.230	1.409.046	2.431.000	99.110	463.760	1.023.826	42.076	174.846	115.940	720.886			
1	Số thu phí, lệ phí	4.745.129	4.745.129	216.453	507.238	193.078	588.115	704.523	1.215.500	49.555	231.880	511.913	21.038	87.423	57.970	360.443			
	Phí Thi hành	4.745.129	4.745.129	216.453	507.238	193.078	588.115	704.523	1.215.500	49.555	231.880	511.913	21.038	87.423	57.970	360.443			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.745.129	4.745.129	216.453	507.238	193.078	588.115	704.523	1.215.500	49.555	231.880	511.913	21.038	87.423	57.970	360.443			
2.1	Chi sự nghiệp																		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		
2.2	Chi quản lý hành chính	2.847.079	2.847.079	129.872	304.343	115.847	352.869	422.714	729.300	29.733	139.128	307.148	12.623	52.454	34.782	216.266			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tư chi	2.740.279	2.740.279	111.872	274.343	115.847	331.869	418.514	720.300	29.733	139.128	301.148	12.623	46.454	34.782	203.666			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tư chi	106.800	106.800	18.000	30.000		21.000	4.200	9.000			6.000		6.000		12.600			
2.3	Trải kiện 40% để cải cách tiền lương	1.898.050	1.898.050	86.581	202.895	77.231	235.246	281.809	486.200	19.822	92.752	204.765	8.415	34.969	23.188	144.177			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN																		
3.1	Lệ phí																		
3.2	Phí Thi hành																		
3.2	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.287.038	28.287.038	5.827.658	3.476.764	1.194.444	1.788.353	2.848.434	2.202.251	1.140.762	1.833.987	1.743.136	1.250.490	1.160.791	1.093.685	2.726.283			
1	Chi quản lý hành chính	28.287.038	28.287.038	5.827.658	3.476.764	1.194.444	1.788.353	2.848.434	2.202.251	1.140.762	1.833.987	1.743.136	1.250.490	1.160.791	1.093.685	2.726.283			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tư chi	28.287.038	28.287.038	5.827.658	3.476.764	1.194.444	1.788.353	2.848.434	2.202.251	1.140.762	1.833.987	1.743.136	1.250.490	1.160.791	1.093.685	2.726.283			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tư chi																		